TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 890/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 845/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Ông Trần Xuân H – sinh năm 1966; CCCD: 001066046462

HKTT và trú tại: Số A, phố Y, phường T, thành phố Hà Nội

Bà Nguyễn Thị Vân A – sinh năm 1973; CCCD: 001173007927

HKTT: Số 141, phố Yên Phụ, tổ 15, cụm 8, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Trú tại: Số 141, phố Yên Phụ, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị Vân A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và đăng ký kết hôn ngày 25/4/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận T, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường T, thành phố Hà Nội). Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nay, anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được công nhận.

[2] **Về con chung**: Ông, bà có hai (02) con chung là Trần Minh H1 – sinh năm 2000 và Trần Minh Q – sinh năm 2007. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét

[3] **Về tài sản, nhà đất chung**: Ông, bà tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

[4] **Về công nợ**: Ông bà xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét

[5] **Về các vấn đề khác**: Không có.

[6] **Về lệ phí Tòa án**: Ông Trần Xuân H tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị Vân A thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Ông, bà có hai (02) con chung là Trần Minh H1 – sinh năm 2000 và Trần Minh Q – sinh năm 2007. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét

- Về tài sản, nhà đất chung: Ông, bà tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

- **Về công nợ**: Ông bà xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét

- **Về các vấn đề khác:** Không có.

2.Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Xuân H tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001309 ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hà Nội, Thi hành án dân sự thành phố H

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hà Nội, Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- UBND phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội (GCNKH quyển số 60/2012, ngày 25/4/2012)
- Lưu HS/VP

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diệp